

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2012/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2012

THÔNG TƯ

BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ BẾN XE KHÁCH

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư về “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách”,

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - số hiệu: QCVN 45 : 2012/BGTVT.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013; bãi bỏ Chương II. Quy định về Bến xe tại Thông tư số 24/2010/TT-BGTVT ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và các trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử CP;
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để đăng ký);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Bộ GTVT;

Đinh La Thăng

- Báo GTVT, Tạp chí GTVT;
- Lưu VT, KHCN.

QCVN 45 : 2012/BGTVT
QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ BẾN XE KHÁCH

National technical regulation on Bus station

Lời nói đầu

QCVN 45:2012/BGTVT do Tổng cục Đường bộ Việt Nam soạn thảo, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

I. QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh
- 1.2. Đối tượng áp dụng
- 1.3. Tài liệu viện dẫn
- 1.4. Giải thích từ ngữ

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

- 2.1. Quy định chung
- 2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản
 - 2.2.1. Công trình dịch vụ thương mại
- 2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình
 - 2.3.1. Phân loại bến xe khách
 - 2.3.2. Quy định về khu vực bán vé

- 2.3.3. Quy định khu vực đón, trả khách
- 2.3.4. Quy định về bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách
- 2.3.5. Quy định về phòng chờ cho hành khách
- 2.3.6. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát
- 2.3.7. Quy định về khu vệ sinh
- 2.3.8. Quy định về cung cấp thông tin
- 2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước
- 2.3.10. Quy định về phòng cháy, nổ
- 2.4. Quy định về bảo vệ môi trường

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

- 3.1. Nội dung quản lý
 - 3.1.1. Quy định về loại hình đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách
 - 3.1.2. Quy định về thủ tục công bố đưa bến xe vào khai thác
 - 3.1.3. Quy định về quy trình giải quyết cho xe ra vào bến
 - 3.1.4. Quy định về kiểm tra, giám sát thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bến xe khách
- 3.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước
 - 3.2.1. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam
 - 3.2.2. Trách nhiệm của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW
 - 3.2.3. Trách nhiệm của Sở GTVT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW
- 3.3. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị khai thác bến xe khách
- 3.4. Trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải tại bến xe khách
- 3.5. Trách nhiệm của hành khách tại bến xe khách

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA

VỀ BẾN XE KHÁCH

National technical regulation on Bus station

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định điều kiện cơ sở vật chất; các yêu cầu trong việc lập quy hoạch, đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và quản lý khai thác bến xe khách.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, quản lý, khai thác bến xe khách; các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc sử dụng dịch vụ, kiểm tra, kiểm chuẩn công bố bến xe khách đủ điều kiện hoạt động và quy hoạch hệ thống bến xe khách trong phạm vi nước Việt Nam.

1.3. Tài liệu viện dẫn

- QCXDVN 01:2002. “Quy chuẩn xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng” được ban hành kèm theo Quyết định số 01/2002/QĐ-BXD ngày 17 tháng 01 năm 2002 của Bộ Xây dựng.
- QCXDVN 05:2008/BXD “Nhà ở và công trình công cộng- An toàn sinh mạng và sức khỏe” được ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BXD ngày 06 tháng 6 năm 2008 của Bộ Xây dựng.
- QCVN 01:2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống” được ban hành kèm theo Thông tư 04/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế.
- QCVN 02:2009/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt” được ban hành theo Thông tư số 05/2009/TT-BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ Y tế.
- QCVN 07:2010/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị” được ban hành kèm theo Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05 tháng 02 năm 2010 của Bộ Xây dựng.
- QCVN 06:2010/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình” được ban hành kèm theo Thông tư số 07/2010/TT-BXD ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Bộ Xây dựng.

- TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế do Bộ Xây dựng công bố năm 1995.
- TCVN 5729:1997 Đường ô tô cao tốc - Tiêu chuẩn thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 1997
- TCXDVN 264:2002 Nhà và công trình - Nguyên tắc cơ bản xây dựng công trình để đảm bảo người tàn tật tiếp cận sử dụng do Bộ Xây dựng công bố năm 2002.
- TCXDVN 276:2003 "Công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế" được ban hành kèm theo Quyết định số 08/2003/QĐ-BXD ngày 26 tháng 3 năm 2003 của Bộ Xây dựng.
- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2005.
- TCVN 5687:2010 Thông gió, điều tiết không khí - Tiêu chuẩn thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2010. Cửa hàng xăng dầu - Yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và công nghệ công bố năm 2011.
- TCVN 4530:2011 Cửa hàng xăng dầu - Yêu cầu thiết kế do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố năm 2011.
- Thông tư 39/2011/TT-BGTVT Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.4. Giải thích từ ngữ

1.4.1. Bến xe khách là công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện chức năng phục vụ xe ô tô đón, trả hành khách và các dịch vụ hỗ trợ vận tải hành khách công cộng.

1.4.2. Đường xe ra, vào bến là đường đầu nối từ đường giao thông chính, đường nhánh hoặc đường gom vào bến xe khách.

1.4.3. Vị trí đón, trả khách là khu vực đỗ xe để hành khách lên xe hoặc xuống xe trong phạm vi bến xe khách, diện tích dành cho 1 vị trí đỗ xe khách là 40 m² (theo QCVN 07:2010/BXD).

1.4.4. Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách là nơi dành cho xe ô tô khách đỗ xe để chờ vào vị trí đón hành khách.

1.4.5. Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác là nơi trông giữ các phương tiện cá nhân tại bến xe khách.

1.4.6. Phòng chờ cho hành khách là khu vực có bố trí ghế để hành khách ngồi trong thời gian chờ mua vé hoặc chờ lên xe.

1.4.7. Hệ thống cung cấp thông tin là hệ thống loa phát thanh, bảng thông báo và các trang thiết bị nghe, nhìn khác trong bến xe khách.

1.4.8. Tài chuyển là các chuyến xe xuất bến được xác định bởi số thứ tự hoặc giờ xuất bến tại mỗi bến xe để phục vụ cho công tác quản lý của bến xe khách.

II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định chung

2.1.1. Bến xe khách phải được xây dựng theo Quy hoạch bến xe khách đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt.

2.1.2. Bến xe khách chỉ được đưa vào khai thác sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền công bố.

2.1.3. Điểm đầu nối của đường ra, vào bến xe với đường quốc lộ phải được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải. Điểm đầu nối của đường ra, vào bến xe với các đường khác (trừ đường quốc lộ) phải được thực hiện theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

2.1.4. Đường ra, vào bến xe khách phải được thiết kế theo các quy định của TCVN 4054:2005 hoặc tương đương, bảo đảm lưu thông thuận tiện, hạn chế tối thiểu xung đột giữa dòng phương tiện ra, vào và với người đi bộ.

2.1.5. Đường lưu thông dành cho xe cơ giới trong bến xe khách phải có các biển báo hiệu, vạch kẻ đường; có bán kính quay xe phù hợp, nhưng bán kính tối thiểu không nhỏ hơn 10 m tính theo tim đường được quy định tại QCVN 07: 2010/BXD để đảm bảo cho các loại phương tiện lưu thông an toàn trong khu vực bến xe khách.

2.1.6. Các công trình và lối đi lại trong khu vực bến xe khách phải đáp ứng các quy định tại QCVN 01: 2002 để bảo đảm người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

2.1.7. Bến xe khách phải bảo đảm thực hiện được các chức năng cơ bản sau:

a) Cung cấp các dịch vụ phục vụ xe ra, vào bến xe khách;

b) Cung cấp các dịch vụ phục vụ lái xe, nhân viên phục vụ trên xe, hành khách và phương tiện.

2.1.8. Bến xe khách phải được xây dựng phù hợp với các quy định tương ứng với từng loại bến xe khách được quy định tại Quy chuẩn này.

2.1.9. Các công trình, các thiết bị của bến xe khách phải được xây dựng, lắp đặt bảo đảm chất lượng và sự bền vững tương ứng với cấp công trình theo quy định tại TCXDVN 276:2003 và các quy định liên quan khác; bảo đảm trật tự, an toàn cho hành khách, hàng hóa và phương tiện trong khu vực bến xe khách.

2.1.10. Hệ thống điện, nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc, phòng cháy, chữa cháy của bến xe khách phải bảo đảm đồng bộ, hoàn chỉnh, tuân thủ theo các quy định để có thể cung cấp an toàn, liên tục và ổn định các dịch vụ cho người và phương tiện tham gia giao thông theo quy định tại QCVN 07:2010/BXD và TCXDVN 276:2003.

2.2. Quy định về các hạng mục công trình cơ bản

Các hạng mục công trình cơ bản của bến xe khách được chia làm hai nhóm gồm: Các công trình bắt buộc phải có và các công trình dịch vụ thương mại.

2.2.1. Các công trình bắt buộc phải có:

- a) Khu vực đón, trả khách;
- b) Bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách;
- c) Bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác;
- d) Phòng chờ cho hành khách;
- đ) Khu vực làm việc của bộ máy quản lý;
- e) Khu vực bán vé;
- g) Khu vệ sinh.

2.2.2. Công trình dịch vụ thương mại: Khuyến khích xây dựng

- a) Trung tâm thương mại;
- b) Khách sạn, nhà nghỉ;
- c) Nhà hàng phục vụ ăn uống, giải khát;
- d) Khu vực cung cấp các dịch vụ vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe;
- đ) Trạm cấp nhiên liệu;
- e) Xưởng bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện;
- g) Nơi rửa xe;
- h) Nhà để xe nhiều tầng (cao tầng hoặc âm tầng hoặc cả 2);
- i) Trung tâm dịch vụ đăng kiểm xe cơ giới.

2.3. Quy định về diện tích tối thiểu và các hạng mục công trình

2.3.1. Phân loại bến xe khách.

Bến xe khách được phân thành 6 loại. Quy định về các hạng mục công trình tương ứng với từng loại bến xe khách như trong bảng sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Loại bến xe khách					
			Loại 1	Loại 2	Loại 3	Loại 4	Loại 5	Loại 6
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m ²	15.000	10.000	5.000	2.500	1.500	500
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	Vị trí	30	25	20	10	5	3
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	Vị trí	20	15	10	10	5	3
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m ²	5.000	3.000	1.000	500	160	80
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m ²	2000	1.500	900	400	50	30
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	m ²	500	300	150	100	50	30
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	Chỗ	100	60	30	20	10	10
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	-	Đảm bảo nhiệt độ không vượt quá 30°C	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	Quạt điện	
9	Diện tích khu vực làm việc	-	Bình quân 4,5m ² /người					
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông	-	Tối thiểu 20 m ²			Tối thiểu 10 m ²		
11	Diện tích khu vệ sinh	-	> 1 % Tổng diện tích xây dựng bến (Có nơi vệ sinh phục					

			vụ người khuyết tật - TCXDVN 264:2002)					
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ	-	Tỷ lệ diện tích cây xanh, thảm cỏ tối thiểu 5% tổng diện tích.					
13	Đường xe ra, vào bến	-	riêng biệt	riêng biệt	riêng biệt	chung (rộng tối thiểu 7,5m)	chung (rộng tối thiểu 7,5m)	chung (rộng tối thiểu 7,5m)
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách		Có mái che		Khuyến khích có mái che			
15	Mặt sân bến	-	Thảm nhựa hoặc bê tông có chiều dày tối thiểu 07 cm					
16	Hệ thống cung cấp thông tin		Có hệ thống phát thanh, thông tin chỉ dẫn hành khách, lái xe, nhân viên phục vụ					

2.3.2. Quy định về khu vực bán vé:

- a) Vị trí khu vực bán vé bảo đảm hành khách dễ nhận biết, thuận tiện cho hành khách đến mua vé và ra vị trí xe đón khách; phía trước khu vực bán vé phải có biển hiệu “Khu vực bán vé” bằng tiếng Việt và tiếng Anh;
- b) Đơn vị khai thác bến xe khách quy định thống nhất về kiểu dáng và kết cấu của các quầy bán vé trong phạm vi bến xe khách. Diện tích tối thiểu của mỗi quầy bán vé là 2 m²;
- c) Tại mỗi quầy bán vé, đơn vị vận tải phải niêm yết thông tin về chất lượng dịch vụ đã đăng ký (hoặc đã được công bố) và các thông tin cần thiết khác cho hành khách.

2.3.3. Quy định khu vực đón, trả khách:

- a) Khu vực xe đón khách phải được bố trí gần với khu vực phòng chờ và khu vực bán vé để bảo đảm thuận tiện cho hành khách đi xe;
- b) Khu vực xe đón khách phải có biển hiệu chỉ dẫn để bảo đảm hành khách đi xe dễ dàng nhận biết đúng vị trí xe chờ đón khách;
- c) Khu vực trả khách phải bố trí riêng biệt với khu vực đón khách, thuận tiện cho hành khách đến phòng chờ hoặc đi ra khỏi khu vực bến xe khách và gần với các điểm dừng đón khách của các loại hình vận tải khách công cộng có kết nối với bến xe khách;
- d) Các vị trí cho xe đỗ để đón, trả khách phải được phân định rõ bằng vạch sơn.

Đối với các bến xe khách có tuyến quốc tế phải bố trí khu vực riêng cho xe vận chuyển khách trên các tuyến quốc tế đón, trả khách và phải có biển hiệu “Khu vực đón, trả khách Quốc tế” bằng tiếng Việt và tiếng Anh.

Đối với các bến xe khách có tuyến xe buýt, taxi hoạt động trong khu vực bến, bến xe phải bố trí khu vực dành riêng cho xe buýt, xe taxi đón, trả khách. Diện tích khu vực này không được tính vào diện tích tối thiểu của bến xe khách quy định cho từng loại bến tại Quy chuẩn này.

2.3.4. Quy định về bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách:

- a) Thiết kế hướng đỗ xe hợp lý, phù hợp với quy mô diện tích và không gian của bến xe khách để đáp ứng nhu cầu đỗ xe của từng loại phương tiện, bảo đảm an toàn, thuận tiện;
- b) Diện tích tối thiểu cho một vị trí đỗ của xe ô tô khách là 40 m². Có vạch sơn để phân định rõ từng vị trí đỗ xe (theo QCVN 07:2010/BXD).

2.3.5. Quy định về phòng chờ cho hành khách:

- a) Phòng chờ cho hành khách phải được bố trí gần khu vực bán vé và khu vực xe đón khách. Đối với bến xe khách từ loại 1 đến loại 2 phải tổ chức, bố trí khu vực phòng chờ dành riêng cho hành khách đã mua vé;
- b) Có bố trí ghế ngồi cho hành khách theo quy định đối với từng loại bến xe khách. Ghế ngồi phải được đặt cố định và bảo đảm tính hài hòa, thẩm mỹ, có lối đi lại giữa các hàng ghế;
- c) Phải có lối đi liên thông với khu vực bán vé và khu vực xe đón, trả khách;
- d) Phải có hệ thống đèn chiếu sáng và biển chỉ dẫn “Lối ra xe” để chỉ dẫn hành khách ra khu vực xe đón khách;

2.3.6. Quy định về khu vực phục vụ ăn uống, giải khát:

- a) Khu vực phục vụ ăn uống, giải khát cho hành khách và lái xe phải được bố trí một khu vực riêng hoặc được ngăn cách bằng vách ngăn lửng với các khu vực khác;
- b) Khu vực phục vụ ăn uống phải được bố trí bàn ăn, ghế ngồi và thùng rác đảm bảo vệ sinh môi trường;
- c) Khu vực chế biến thức ăn và khu vực phục vụ hành khách ăn uống được ngăn cách bằng vách ngăn lửng hoặc được bố trí khu vực riêng biệt;
- d) Nền khu vực phục vụ ăn uống phải dùng loại vật liệu dễ làm vệ sinh;
- đ) Khu vực phục vụ ăn uống phải được thông gió tự nhiên và trang bị hệ thống quạt mát, quạt hút mùi. Tùy theo yêu cầu cụ thể của từng trường hợp có thể thông gió bằng phương pháp cơ giới và thiết bị điều hoà nhiệt độ theo quy định tại TCVN 5687:2010;

e) Khu vực ăn uống phải bảo đảm luôn sạch sẽ, đáp ứng đầy đủ các quy định về vệ sinh môi trường; các sản phẩm ăn uống phục vụ khách hàng phải đảm bảo các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

2.3.7. Quy định về khu vệ sinh:

a) Phải có biển chỉ dẫn đến khu vệ sinh rõ ràng, dễ nhận biết bảo đảm thuận tiện cho khách sử dụng. Vị trí bố trí không ảnh hưởng đến môi trường của các khu vực khác trong bến xe khách. Khu vệ sinh phải bố trí vệ sinh nam, nữ riêng và bảo đảm người khuyết tật có thể tiếp cận sử dụng; nơi vệ sinh dành cho người khuyết tật phải có biển báo theo quy ước quốc tế;

b) Khu vệ sinh phải đảm bảo chống thấm, chống ẩm ướt, thoát mùi hôi thối, thông thoáng, tường, mặt sàn và thiết bị phải luôn sạch sẽ, số lượng, chất lượng các loại thiết bị vệ sinh phải theo quy định tại TCXDVN 276:2003;

c) Khu vệ sinh phải được thông gió tự nhiên trực tiếp; nếu thông gió tự nhiên không đáp ứng yêu cầu thì phải dùng thông gió cơ giới theo quy định tại TCVN 5687: 2010;

d) Nền, mặt tường khu vệ sinh phải dùng loại vật liệu không hút nước, không hút bẩn, chịu xâm thực, dễ làm vệ sinh;

đ) Tại các vị trí bố trí chậu để rửa tay nên lắp đặt bàn, gương, móc treo;

e) Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để nước ứ đọng trên nền trong khu vệ sinh.

2.3.8. Quy định về hệ thống cung cấp thông tin:

a) Tại khu vực phòng chờ cho hành khách và khu vực bán vé của bến xe khách phải có hệ thống cung cấp thông tin tối thiểu gồm: hệ thống phát thanh và bảng thông tin chỉ dẫn cố định (hoặc màn hình điện tử); đối với bến xe khách từ loại 1 đến loại 4 ngoài bảng thông tin chỉ dẫn cố định phải bố trí màn hình điện tử;

b) Nội dung thông tin cung cấp theo từng tuyến gồm: biên kiểm soát xé, đơn vị vận tải, hành trình, biểu đồ chạy xe, giá vé, chất lượng dịch vụ vận tải, thông tin về hành lý thất lạc và các thông tin cần thiết khác;

c) Đối với bến xe khách có tuyến vận tải quốc tế phải cung cấp thông tin theo quy định tại điểm a, b Mục này bằng tiếng Việt và tiếng Anh;

d) Hệ thống phát thanh phải bảo đảm cho mọi người đang ở trong khu vực bến xe khách có thể nghe rõ mọi thông tin phát qua hệ thống;

đ) Phải có số điện thoại đường dây nóng để tiếp nhận thông tin phản ánh của hành khách.

2.3.9. Quy định về hệ thống cấp thoát nước:

- a) Hệ thống cấp nước cho bến xe khách phải bảo đảm hoạt động ổn định, có khả năng cung cấp đủ lượng nước cho nhu cầu sử dụng của bến xe khách;
- b) Trong trường hợp bến xe khách tự khai thác nguồn nước để sử dụng thì: chất lượng nước phục vụ cho ăn uống phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 01: 2009/BYT và chất lượng nước phục vụ cho sinh hoạt phải bảo đảm đáp ứng đầy đủ các chỉ tiêu chất lượng theo quy định tại QCVN 02: 2009/BYT;
- c) Hệ thống thoát nước của bến xe khách bao gồm hệ thống thoát nước thải và hệ thống thoát nước mưa và đấu nối với hệ thống thoát nước tại địa phương;
- d) Hệ thống thoát nước phải bảo đảm không để ứ đọng nước làm gián đoạn hoạt động của bến xe khách.

2.3.10. Quy định về phòng cháy, nổ:

- a) Bến xe khách phải được xây dựng và lắp đặt các trang thiết bị phòng và chống cháy, nổ theo đúng quy định tại QCVN 06:2010/BXD và TCVN 2622:1995; Trường hợp trong bến xe khách có trạm cấp nhiên liệu, việc thiết kế, xây dựng và hoạt động của khu vực cấp nhiên liệu phải tuân thủ đúng theo quy định tại TCVN 4530:2011;
- b) Cán bộ công nhân viên của bến xe khách phải được tập huấn nghiệp vụ về phòng và chống cháy, nổ;
- c) Niêm yết quy định về phòng và chống cháy, nổ trong khu vực bến xe khách.

2.4. Quy định về bảo vệ môi trường

2.4.1. Bến xe khách phải có hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải tập trung theo quy định.

2.4.2. Có đủ thiết bị, phương tiện và lực lượng lao động thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý.

2.4.3. Bố trí đủ thùng rác tại tất cả các khu vực để bảo đảm vệ sinh môi trường.

2.4.4. Đối với bến xe khách có xưởng bảo dưỡng sửa chữa xe ô tô phải bố trí khu vực riêng; đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, có hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại (bao gồm: ắc quy, dầu mỡ, săm lốp, linh kiện điện tử) theo quy định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.4.5. Niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh trong khu vực bến xe khách.

III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Nội dung quản lý

3.1.1. Quy định về loại hình đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách.

Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác bến xe khách là doanh nghiệp hoặc hợp tác xã.

3.1.2. Quy định về thủ tục công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

3.1.2.1. Thủ tục công bố lần đầu

a) Sau khi hoàn thành việc xây dựng, đơn vị khai thác bến xe khách nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác đến Sở Giao thông vận tải địa phương nơi bến xe khách được xây dựng (nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính);

b) Hồ sơ đề nghị công bố gồm:

- Giấy đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu quy định tại Phụ lục 1.
- Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe khách với đường giao thông của cơ quan có thẩm quyền.
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật bến xe khách.
- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền.
- Biên bản nghiệm thu xây dựng.
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.
- Giấy phép kinh doanh của đơn vị kinh doanh khai thác bến xe khách.
- Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách ban hành.

c) Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố:

- Chậm nhất trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra và lập biên bản kiểm tra. Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách không đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn này mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì các tiêu chí không đạt yêu cầu phải được ghi rõ trong biên bản kiểm tra và được thông báo ngay cho đơn vị khai thác bến xe khách.
- Sau khi kiểm tra, nếu bến xe khách đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe khách mà đơn vị khai thác bến xe khách đề nghị thì chậm nhất trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Sở Giao thông vận tải quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác

theo mẫu quy định tại Phụ lục 3. Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký.

3.1.2.2. Thủ tục công bố lại:

a) Đơn vị khai thác bến xe khách phải làm hồ sơ và nộp cho Sở Giao thông vận tải địa phương nơi có bến xe khách đề nghị công bố, xếp loại lại bến xe khách trong các trường hợp:

- Sau khi cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách;
- Trước khi hết hạn được phép khai thác 60 ngày theo thời hạn quy định tại quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác.

b) Hồ sơ đề nghị công bố lại gồm:

- Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách theo mẫu quy định tại Phụ lục 4.
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể, thiết kế kỹ thuật các công trình xây dựng, cải tạo bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).
- Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).
- Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).
- Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe khách (nếu có thay đổi so với lần công bố trước).

c) Quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố lại được thực hiện như quy trình xử lý hồ sơ đề nghị công bố lần đầu.

3.1.3. Quy định về quy trình giải quyết cho xe ra, vào bến.

3.1.3.1. Các công việc thực hiện khi xe vào bến xe khách: Khi xe khách vào bến nhân viên điều hành hoặc nhân viên bảo vệ của bến xe khách phải thực hiện các công việc sau:

- a) Kiểm tra, xác định phương tiện để đảm bảo phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động vận tải tại bến. Xác nhận xe đến bến;
- b) Hướng dẫn lái xe đưa xe vào đúng vị trí quy định để trả khách;
- c) Sau khi xe trả khách xong, hướng dẫn lái xe đưa xe vào vị trí đỗ xe chờ vào vị trí đón khách.

3.1.3.2. Bố trí tài chuyển và đón khách

Trước khi thực hiện đăng ký tài chuyển cho xe, nhân viên bến xe khách phải thực hiện kiểm tra các nội dung sau:

- a) Kiểm tra giấy tờ của phương tiện và người lái theo quy định gồm: giấy phép lái xe, đăng ký xe, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, bảo hiểm trách nhiệm dân sự;
- b) Kiểm tra các tiêu chí theo nội dung chất lượng dịch vụ vận tải đã đăng ký với cơ quan quản lý tuyến; kiểm tra việc niêm yết giá vé;

Trường hợp đủ điều kiện, bến xe khách tổ chức bố trí tài chuyển theo kế hoạch hàng ngày hoặc theo hợp đồng đơn vị vận tải đã ký kết với bến xe khách (phù hợp với phương án chạy xe đã được cơ quan quản lý tuyến chấp thuận); đồng thời thực hiện việc bán vé cho hành khách đi xe nếu đơn vị vận tải ủy thác cho bến xe khách bán vé.

Trường hợp xe hoặc lái xe không đủ điều kiện theo quy định thì giải quyết cho xe xuất bến (không được phép vận chuyển khách) để về đơn vị hoàn thiện các điều kiện theo quy định;

- c) Đến giờ quy định, nhân viên điều hành hoặc nhân viên bảo vệ hướng dẫn đưa xe vào vị trí đón khách;

- d) Nhân viên điều hành phối hợp với nhân viên bảo vệ kiểm tra để bảo đảm: Số lượng hành khách trên xe không quá số người được phép chở; tất cả hành khách đi xe đều có vé và được sắp xếp đúng chỗ theo số ghi trên vé; hành lý được sắp xếp theo quy định.

3.1.3.3. Các công việc giải quyết cho xe xuất bến:

- a) Trước thời gian xe xuất bến, nhân viên kế toán của bến xe khách cùng với lái xe xác định tổng số vé đã bán được (trừ trường hợp đơn vị vận tải tự bán vé), thực hiện việc thanh toán các khoản dịch vụ và ký xác nhận, bàn giao các chứng từ kế toán theo quy định;
- b) Nhân viên điều hành ghi chép, xác nhận việc lái xe đã thực hiện đầy đủ các thủ tục quy định cho xe xuất bến;
- c) Nhân viên bảo vệ bến xe khách kiểm tra hóa đơn (hoặc giấy xác nhận đã thu đủ) các khoản thu dịch vụ bến xe khách và xác nhận xe được xuất bến của nhân viên điều hành trước khi cho xe ra khỏi bến.

3.1.3.4. Bến xe khách từ loại 1 đến loại 4 phải bố trí thiết bị, thực hiện kết nối internet để kết nối giữa các bến xe khách có liên quan với nhau và với cơ quan quản lý tuyến, đồng thời thực hiện quản lý và báo cáo qua phần mềm theo quy định.

3.1.4. Quy định về kiểm tra, giám sát thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia bến xe khách:

- a) Doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý, khai thác bến xe khách chịu trách nhiệm duy trì các tiêu chí quy định tại Quy chuẩn này. Khi tiến hành cải tạo cơ sở vật chất dẫn đến thay đổi các tiêu chí

làm ảnh hưởng đến các điều kiện phân loại bến xe khách phải báo cáo với Sở Giao thông vận tải để kiểm tra công bố lại bến xe khách theo quy định;

b) Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách trên địa bàn địa phương báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động, tình hình an ninh trật tự, việc duy trì, đầu tư, cải tạo cơ sở vật chất, việc thực hiện các quy định của Quy chuẩn này và các nội dung cần thiết khác;

c) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, lực lượng Thanh tra đường bộ tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất hoạt động của bến xe khách, phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính nhằm đảm bảo các bến xe khách luôn duy trì và thực hiện đúng các quy định của Quy chuẩn này và các quy định pháp luật liên quan khác;

d) Cơ quan có thẩm quyền công bố đưa bến xe khách vào khai thác định kỳ 3 năm tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động; việc chấp hành các quy định của đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách; việc duy trì các điều kiện phân loại bến xe khách theo Quy chuẩn này. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định công bố xếp loại lại bến xe khách.

đ) Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổ chức kiểm tra việc xếp loại công bố bến xe khách theo Quy chuẩn này của Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường hợp kết luận kiểm tra có sự khác biệt về loại bến xe khách so với loại bến đã công bố, Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải thực hiện việc công bố xếp loại lại bến xe khách cho phù hợp với kết luận kiểm tra của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

3.2. Trách nhiệm quản lý nhà nước

3.2.1. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ Việt Nam:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của bến xe khách trong phạm vi toàn quốc;

b) Quy định và hướng dẫn cách ghi mã số bến xe khách thống nhất trong toàn quốc;

c) Ban hành các loại biểu mẫu dùng cho công tác thống kê, báo cáo về hoạt động của bến xe khách; ban hành hợp đồng mẫu giữa đơn vị vận tải và bến xe khách;

d) Thống kê, tổng hợp các dữ liệu về hệ thống bến xe khách trong toàn quốc;

đ) Xây dựng phần mềm quản lý bến xe khách; chuyển giao và hướng dẫn cho các bến xe khách và các Sở Giao thông vận tải thực hiện theo lộ trình quy định khi phần mềm được xây dựng xong;

e) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất và xử lý các vi phạm đối với các cơ quan, đơn vị quản lý, đơn vị khai thác bến xe khách trong toàn quốc.

3.2.2. Trách nhiệm của UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- a) Phê duyệt Quy hoạch hệ thống bến xe khách trên địa bàn địa phương. Trước khi quyết định phê duyệt Quy hoạch hoặc điều chỉnh Quy hoạch phải có ý kiến của Bộ Giao thông vận tải;
- b) Xác định và quản lý quỹ đất dành cho dự án xây dựng bến xe khách theo quy hoạch đã được phê duyệt;
- c) Thống nhất tổ chức và quản lý bến xe khách phù hợp với quy hoạch phát triển giao thông vận tải và yêu cầu đặc thù của địa phương.

3.2.3. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- a) Xây dựng Quy hoạch hệ thống bến xe khách trên địa bàn địa phương trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- b) Thực hiện công bố và công bố lại việc đưa bến xe khách trên địa bàn địa phương vào khai thác. Văn bản công bố được đồng thời gửi đến Tổng cục Đường bộ Việt Nam để phối hợp quản lý;
- c) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành đối với hoạt động của các bến xe khách trên địa bàn địa phương;
- d) Chỉ đạo các bến xe khách trên địa bàn thực hiện áp dụng phần mềm quản lý bến xe khách và kết nối theo lộ trình quy định;
- đ) Tổ chức thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với các đơn vị khai thác bến xe khách trên địa bàn địa phương.

3.3. Trách nhiệm của chủ đầu tư, đơn vị khai thác bến xe khách

3.3.1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- a) Đầu tư xây dựng bến xe khách phù hợp với quy hoạch hệ thống bến xe khách đã được phê duyệt và phù hợp với các quy định của Quy chuẩn này;
- b) Đầu tư xây dựng bến xe khách phải tuân thủ trình tự quản lý đầu tư xây dựng và các quy định liên quan khác của pháp luật; bảo đảm tiến độ, chất lượng công trình và bảo vệ môi trường.

3.3.2. Trách nhiệm của đơn vị khai thác bến xe khách:

- a) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- b) Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng và chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường trong bến xe khách; chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động kinh doanh trong phạm vi bến xe khách;

c) Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị, cơ sở vật chất; phổ biến, tuyên truyền pháp luật, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động nhằm duy trì và nâng cao chất lượng phục vụ của bến xe khách, thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà nước về bến xe khách;

d) Thực hiện việc ký kết hợp đồng với các đơn vị vận tải theo quy định của pháp luật trước khi tổ chức hoạt động kinh doanh vận tải tại bến xe khách;

đ) Niêm yết nội quy của bến xe khách và hình thức xử lý, chế tài kèm theo khi vi phạm nội quy của bến xe khách;

e) Thực hiện áp dụng phần mềm quản lý bến xe khách và kết nối theo lộ trình quy định;

g) Chịu sự quản lý, thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

h) Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất tình hình hoạt động của bến xe khách theo yêu cầu của Tổng cục Đường bộ Việt Nam và Sở Giao thông vận tải địa phương.

3.4. Trách nhiệm của đơn vị kinh doanh vận tải tại bến xe khách

3.4.1. Các đơn vị vận tải trước khi hoạt động tại bến xe khách phải tiến hành ký kết hợp đồng và thực hiện nghiêm túc hợp đồng đã ký kết với bến xe khách;

3.4.2. Chấp hành các nội quy, quy định, quy trình giải quyết cho xe ra, vào bến của đơn vị quản lý, khai thác bến xe khách và những quy định pháp luật liên quan khác.

3.5. Trách nhiệm của hành khách tại bến xe khách

3.5.1. Giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng và chống cháy, nổ trong khu vực bến xe khách;

3.5.2. Chấp hành nội quy, quy định và hướng dẫn của nhân viên bến xe khách.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Tổng cục Đường bộ Việt Nam chủ trì, phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ - Bộ Giao thông vận tải và các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn triển khai và tổ chức việc thực hiện Quy chuẩn này.

4.2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc, Tổng cục Đường bộ Việt Nam tổng hợp và kiến nghị Bộ Giao thông vận tải xem xét sửa đổi, bổ sung.

4.3. Trường hợp các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn và quy định pháp luật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì áp dụng theo văn bản mới tương ứng.

4.4. Các bến xe khách đã công bố trước ngày Quy chuẩn này có hiệu lực phải hoàn tất các thủ tục để được công bố lại trước ngày 31 tháng 12 năm 2014.

PHỤ LỤC 1

..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ **CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi: (1)

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):
 2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):
 3. Trụ sở:
 4. Số điện thoại (Fax):
 5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do cấp ngày ... tháng ... năm
- Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách (3) Cụ thể như sau:
- Tên: (3)
 - Địa chỉ: (4)
 - Tổng diện tích đất: (5).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị(1) công bố Bến xe khách (3) đạt quy chuẩn Bến xe loại: (6) và được đưa vào khai thác (2) cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Hướng dẫn ghi:

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách
- (3) Ghi tên bến xe khách
- (4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách
- (5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách
- (6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố

PHỤ LỤC 2

..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

**BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT CỦA QUY CHUẨN VỚI CÁC
CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):

2. Trụ sở:

3. Số điện thoại (Fax):

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn với các hạng mục công trình của Bến xe khách (3) như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị	Quy định kỹ	Theo
----	--------------------	--------	-------------	------

		tính	thuật của Bến xe khách loại ...(4)...	thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m ²		
2	Số vị trí đón khách (tối thiểu)	Vị trí		
3	Số vị trí trả khách (tối thiểu)	Vị trí		
4	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m ²		
5	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác	m ²		
6	Diện tích phòng chờ cho hành khách (tối thiểu) m ²	m ²		
7	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách	Chỗ		
8	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
9	Diện tích khu vực làm việc			
10	Diện tích văn phòng dành cho Công an, Y tế, Thanh tra giao thông			
11	Diện tích khu vệ sinh			
12	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
13	Đường xe ra, vào bến			
14	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách			
15	Mặt sân bến			
16	Hệ thống cung cấp thông tin			

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe

(4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố

PHỤ LỤC 3

..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-....

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đưa bến xe khách vào khai thác **(2)**

Căn cứ QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của (2)

Căn cứ Biên bản kiểm tra của (2) ngày/...../.....

Xét đề nghị của

.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Bến xe khách (1)....vào khai thác với các nội dung sau:

- Bến xe khách: (1) Mã số:

- Đơn vị trực tiếp quản lý, khai thác:

- Vị trí (3) Điện thoại: Fax:

- Tổng diện tích đất:...(4)

Trong đó:

- Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách:

- Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác:

- Diện tích phòng chờ cho hành khách:

..... (1) đạt quy chuẩn Bến xe khách loại:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm đến ngày tháng..... năm

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng; Thủ trưởng ...(1).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Thủ trưởng...(2)....
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu

Hướng dẫn ghi

(1) Ghi tên bến xe khách.

(2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.

(3) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách.

4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách

PHỤ LỤC 4

..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH

Kính gửi: (1)

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

3. Trụ sở:

4. Số điện thoại (Fax):

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số do cấp ngày ... tháng... năm

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác ...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng...năm...của(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm

Sau khi xem xét các quy định tại QCVN 45:2012/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị (1) tiếp tục công bố đưa Bến xe khách (3).... đạt loại: (4): vào khai thác..(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

Hướng dẫn ghi:

(1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách

(2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách

(3) Ghi tên bến xe khách

(4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố